

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật	ĐVT	Ghi chú
79	Chi không tiêu đơn sợi các số (Chi Nylon các số)	Chi không tiêu đơn sợi tổng hợp Polyamide 6.6 hoặc 6.6 (nylon) các số 1; 2/0; 3/0; 4/0; 5/0 dài 75cm kim tam giác 3/8C vòng kim từ 16mm đến 30mm tương ứng số chỉ. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% USP đóng gói bằng giấy Tyvek. Kim bằng thép không gỉ phủ silicone bằng công nghệ Xtracoat hoặc Nucorat. Độ bền kéo của kim ≥ 2500 Mpa. Tiêu chuẩn CE - Châu Âu	Sợi	
80	Chi tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 số 1	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 phủ Poly-glycolide-co-L-Lactide) số 1 dài 75cm kim tròn 1/2C dài 26mm. Duy trì sức căng >65% sau 14 ngày tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim làm từ thép không gỉ AISI 300/301/302/303/304 không chứa martensitic, trắng (phủ) silicone. Lực căng kéo nút thắt khoảng 66.30N. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả Lớp phủ : Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate (<1%). Tiêu chuẩn CE ; ISO 13485	Sợi	
81	Chi tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 số 2/0	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 phủ Poly-glycolide-co-L-Lactide) và calcium stearate số 2 dài 90cm kim tròn 1/2C dài 40mm duy trì sức căng >65% sau 14 ngày tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim làm từ thép không gỉ AISI 300/301/302/303/304 không chứa martensitic, trắng (phủ) silicone. Lực căng kéo nút thắt khoảng 66.30N. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả Lớp phủ : Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate (<1%). Tiêu chuẩn CE ; ISO 13485	Sợi	
82	Chi tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 số 3/0	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 phủ Poly(glycolide-co-L-Lactide) và calcium stearate số 3/0 dài 75cm kim tròn 1/2C dài 26mm duy trì sức căng >65% sau 14 ngày tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim làm từ thép không gỉ AISI 300/301/302/303/304 không chứa martensitic, trắng (phủ) silicone. Lực căng kéo nút thắt khoảng 66.30N. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả lớp phủ : Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate (<1%). Tiêu chuẩn CE ; ISO 13485	Sợi	
83	Bom tiêm Insulin 1ml	Bom tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Bom gắn liền kim, dung tích 1ml. Kim cỡ 30G - Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt	Cái	

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật	ĐVT	Ghi chú
84	Cốc đựng mẫu	Thích hợp cho Máy Hitachi, Chất liệu nhựa PS, kích thước 16*38mm, 2.5-3ml. Quy cách túi 500 cái	Cái	
85	Dây nối bơm tiêm điện	Dùng với máy bơm tiêm điện Đầu nối khóa ren vặn xoắn (luer lock); khóa bảo vệ (cap connector) Dây bằng chất liệu PVC y tế không kích ứng, chống xoắn, mềm dẻo, trong suốt không Latex, không DEHP Có khóa dừng(áp lực dương) dạng bấm màu trắng để phân biệt đầu ra đầu vào thiết kế cho phép thao tác bằng 1 tay, có độ kín khít tốt, chống trào ngược, ngăn chảy máu. Chịu áp lực 3 bar (43,512psi), hệ số dẫn truyền ánh sáng: ≥90% Đường kính trong 0.9, đường kính ngoài 1.9, dài 150cm, thể tích mỗi 1ml; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; CE	Cái	
86	Ống dẫn lưu (Drain Tube có lỗ)	Chất liệu nhựa PVC hoặc tương đương, trắng trong, mềm mại, dễ sử dụng. Dùng để thải dịch. Được tiệt trùng bằng khí EO. Các cỡ người lớn, trẻ em, có lỗ	Cái	
87	Ống hút thai	Được tiệt trùng bằng khí E.O. Sản xuất bằng nhựa PVC. Ống nhựa trong, mềm dẻo. Đầu hút trơn láng không bavía.	Cái	
88	Que lấy bệnh phẩm	Chiều liệu ống, nắp, que bằng nhựa, đầu cotton, chiều dài 175mm. Đóng gói riêng từng chiếc, tiệt trùng bằng EO Gas. Được sử dụng để thu thập, lưu trữ, truyền mẫu vật. Được sử dụng rộng rãi trong nha khoa, da liễu, phụ khoa, tiết niệu và các mẫu bệnh phẩm khác.	Cái	
89	tube Eppendorf	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh, dung tích mẫu 1.5ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm trong các thí nghiệm vi sinh trong sinh học phân tử. Chịu được lực ly tâm 13.000 RPM, nhiệt độ (-196) - 120 độ C (đun sôi được).	Cái	
90	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Chai 500ml. Đầu bơm dài 6.5cm để dàng thao tác khi sử dụng, rửa tay trước khi phẫu thuật trong 3 phút sau đó tráng lại với nước, tác dụng diệt 99.9% vi khuẩn S.Aureus, P.aeruginosa, S.flexneri, C.albicans, M.tuberculosis, Bacillus subtilis. thành phần, hàm lượng của hoạt chất: 4%w/v Chlorhexidine.	Chai	

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật	BVT	Ghi chú
91	Dung dịch rửa tay nhanh	Chai 500ml. Đầu bơm dài 6.5cm dễ dàng thao tác khi sử dụng, sát khuẩn nhanh trong 30s để khô tự nhiên không cần rửa lại với nước, tác dụng diệt 99.9% vi khuẩn <i>S.Aureus</i> , <i>P.aeruginosa</i> , <i>S.flexneri</i> , <i>C.albicans</i> , <i>M.tuberculosis</i> , <i>Bacillus subtilis</i> . thành phần, hàm lượng của hoạt chất: 70%w/w Ethanol +9%w/w Isopropyl Alcohol + 0.5% w/w Chlorhexidine gluconate.	Chai	
92	Dung dịch khử khuẩn trang thiết bị	Dung dịch ngâm khử khuẩn Glutasept S Thành phần chính: 100 g Glutasept S chứa: 2,0 g Glutaraldehyde (CAS 111-30-8), tức hàm lượng Glutaraldehyde 2% w/w. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Can	
93	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ	Dung dịch ngâm khử khuẩn Septoquat AM MD Thành phần chính: - Benzalkonium chloride: 10% w/w - Didecyl dimethyl ammonium chloride: 5% w/w - N-(3-aminopropyl)-N-dodecylpropane-1,3-diamine: 6% w/w Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Chai	
94	Viên nén khử khuẩn	Cấu tạo dạng: viên sủi khử khuẩn. Hòa tan nhanh trong nước tạo môi trường pH ổn định khoảng 5,5 – 6,5. Ở pH này, nồng độ HOCl không phân ly - thành phần chính có tác dụng khử khuẩn hiệu quả - đạt 90%. Công thức hypochlorite không ổn định đòi hỏi một môi trường có pH thích hợp để đạt hiệu quả tối ưu. Hộp 100 viên; Tiêu chuẩn chất lượng GMP	Hộp	
95	Dung dịch sát khuẩn da	Chai ≥ 100 ml. Sử dụng trực tiếp không pha loãng, sát khuẩn da trong y tế (không dùng cho niêm mạc vết thương hở, diệt khuẩn sau một phút tiết xúc, tác dụng diệt 99.9% vi khuẩn <i>S.Aureus</i> , <i>P.aeruginosa</i> , <i>S.flexneri</i> , <i>C.albicans</i> , <i>M.tuberculosis</i> , <i>Bacillus subtilis</i> . thành phần, hàm lượng của hoạt chất: 10%w/v povidone iodine tương đương với 1% w/v iodine tự do.	Chai	

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật	ĐVT	Ghi chú
96	Dung dịch nhuộm	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 250ml, Lugol chai 250ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 250ml và Safranin chai 250ml.- Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm- Đóng gói: Bộ 4 chai x 250ml có vòi bơm tiện dụng	Bộ	
97	Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu A	Dòng tế bào Anti A BRMA-1 sẽ phát hiện kháng nguyên A. Anti A có màu xanh lam Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Lọ	
98	Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu B	Dòng tế bào Anti B LB-2 sẽ phát hiện kháng nguyên B. Anti có màu vàng Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Lọ	
99	Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu AB	Dòng tế bào Anti AB ES-4 / ES-15 sẽ phát hiện kháng nguyên A, Ax hoặc B. Anti AB không có màu Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Lọ	
100	Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu D	Dung dịch có chứa nồng độ protein thấp và IgM đơn dòng của người và IgG kháng D. Thuốc thử này sẽ trực tiếp ngưng kết các tế bào Rh D dương tính, bao gồm phần lớn các biến thể (nhưng không phải DVI) và tỷ lệ D yếu (Du) cao.	Lọ	
101	Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu AHG	Thuốc thử Anti Human Globulin (AHG) Thuốc thử có chứa chất kháng IgG có nguồn gốc từ thỏ với hoạt tính không đặc hiệu được loại bỏ bằng cách hấp thụ và IgM đơn dòng chống chuột, Clone BRIC-8. Các kháng thể được pha loãng trong dung dịch đệm có chứa albumin bò. Thuốc thử có màu xanh lục do thuốc nhuộm Patent Blue và Tartazine được thêm vào. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Lọ	

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật	DVT	Ghi chú
102	Test HIV	Khay thử xét nghiệm sắc ký miễn dịch, định tính phát hiện kháng thể kháng HIV-1, HIV-2 và nhóm O trong mẫu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương. Thành phần: - Màng: kháng nguyên HIV tái tổ hợp bao gồm gp41, gp36 và kháng nguyên tái tổ hợp HIV-O. - Lốp cộng hợp: hạt vàng liên hợp với kháng nguyên tái tổ hợp gp41, gp36 và HIV-O - Vạch kết quả: các kháng nguyên HIV-1 0,477ug, HIV-2 0,318ug, HIV-O 0,08ug. - Vạch chứng: kháng thể dê kháng thể IgG 0,398ug Ống chống đông mẫu như heparin, EDTA và sodium citrate không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm Hiệu quả chẩn đoán so với phương pháp HIV EIA: - Độ nhạy tương quan: 99,9% - Độ đặc hiệu tương quan: 99,3% - Độ chính xác tương quan: 99,5% Đọc kết quả ở phút thứ 10 Phân loại BYT: D	Test	
103	Test viêm gan B HbsAg	Que thử xét nghiệm sắc ký miễn dịch, định tính phát hiện kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B trong mẫu máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương. Thành phần: - Vùng cộng hợp: Kháng thể kháng HBsAg 0,35ug, kháng thể IgG thô 0,233ug - Vạch kết quả: Kháng thể kháng HBsAg 0,514ug - Vạch chứng: Kháng thể IgG dê kháng thể 0,428ug Ngưỡng phát hiện (LOD): 0,92ng/ml - Độ nhạy tương quan: >99,9% - Độ đặc hiệu tương quan: 99,7% - Độ chính xác tương quan: 99,8% Đọc kết quả ở phút thứ 10	Test	

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật	ĐVT	Ghi chú
104	Test viêm gan C HCV	Khay thử Anti-HCV Rapid Test Kit Độ nhạy: Tổng 99,26% Độ đặc hiệu: Tổng 99,08% Khả năng gây nhiễu: 99,22% Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (chứa lõi, NS3, NS4 và NS5) được cố định trong vùng thử nghiệm trên màng nitrocellulose. Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (chứa lõi, NS3, NS4 và NS5) được kết hợp với keo vàng nhúng trong miếng liên hợp phản ứng với kháng thể HCV có trong mẫu máu, huyết tương hoặc huyết thanh tạo thành phức hợp liên hợp/kháng nguyên-kháng thể HCV. Đóng gói: 25 khay/hộp Thiết bị kiểm tra: 25 khay xét nghiệm (1 xét nghiệm/túi x 25 túi) Đệm: 1 chai Ống nhỏ giọt: 25 ống nhỏ giọt dùng một lần Hướng dẫn đóng gói: 1 hướng dẫn sử dụng Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Test	
105	Test chẩn đoán bệnh giang mai	Test phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng Treponema pallidum. Độ nhạy tương đối > 99.9% và Độ đặc hiệu tương đối: 99.7%, độ chính xác 99.8% so với TPHA. Thành phần khay thử: + Hạt phủ kháng nguyên giang mai tái tổ hợp - Không có phản ứng chéo với các mẫu dương tính HAMA, RF, HBsAg, HBsAb, HBeAg, HBeAb, HCV, HIV, H. Pylori, MONO, CMV, Rubella and TOXO- Không xảy ra tương tác với các hợp chất: Acetaminophen: 20 mg/dL, Caffeine: 20 mg/dL, Acetylsalicylic Acid: 20 mg/dL, Gentisic Acid: 20 mg/dL, Ascorbic Acid: 2g/dL, Albumin: 2 g/dL, Creatin: 200 mg/dL, Hemoglobin 1.1 mg/dL, Bilirubin: 1g/dL, Oxalic Acid: 600mg/dL	Test	

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật	ĐVT	Ghi chú
106	Test Chlamydia	Khay thử Chlamydia Rapid Test Kit. Kháng thể đặc hiệu với kháng nguyên Chlamydia được phủ lên vùng vạch thử nghiệm. Dung dịch kháng nguyên được chiết xuất sẽ phản ứng với một kháng thể chống lại Chlamydia được phủ lên các hạt. Đóng gói: 25 test/hộp Thiết bị xét nghiệm: 25 khay xét nghiệm (1 xét nghiệm/túi x 25 túi) Đệm A: 1 chai chứa đầy dung dịch đệm A Đệm B: 1 chai chứa đầy dung dịch đệm B Bộ sưu tập tằm bông: 25 miếng gạc cổ tử cung nữ vô trùng Hướng dẫn đóng gói: 1 hướng dẫn sử dụng Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Test	
107	Test thử ma túy 4 chân	Sử dụng phương pháp sắc kí miễn dịch phát hiện định tính ma túy có trong mẫu nước tiểu với ngưỡng phát hiện (cut-off) Mỗi vạch thử T chứa kháng thể đơn dòng chuột kháng thuốc và liên hợp protein-thuốc tương ứng. Đường kiểm chứng C có chứa kháng thể đa dòng IgG dè kháng IgG thỏ và kháng thể IgG thỏ. MET: Methamphetamine 1000ng/ml. AMP: Amphetamine 1000ng/ml THC: Marijuana 50ng/ml MOP: Morphine 300ng/ml Thời gian đọc kết quả: sau 3-5 phút. Độ nhạy: 99.9%; Độ chính xác: 99.9% Không bị ảnh hưởng bởi độ pH của nước tiểu điều chỉnh thành phạm vi pH từ 5 đến 9 trong 1 đơn vị pH và tăng vọt với các loại thuốc ở mức 50% dưới và 50% trên mức giới hạn.	Test	

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật	ĐVT	Ghi chú
108	Test viêm gan (HbeAg)	Test nhanh phát hiện định tính kháng nguyên HbeAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người Thành phần khay thử: + Hạt kháng thể HbeAg + Kháng thể HbeAg được phủ trên màng dẫn Độ nhạy tương đối: 98.4%, độ đặc hiệu tương đối: 98.6%, độ chính xác: 98.5% so với RIA Test thử nhanh HBeAg (Huyết thanh/Huyết tương) đã được thử nghiệm với các mẫu dương tính HAMA, Rheumatoid (RF), HAV, Syphilis, HIV, H. Pylori, MONO, CMV, Rubella, HCV, HEV và TOXO. Kết quả cho thấy không có phản ứng chéo. Không tương tác với các mẫu có chứa đến 2000 mg/dL hemoglobin; 1000mg/dL bilirubin; 2.000 mg/dL albumin huyết thanh người	Test	
109	Dầu farafil	Dầu parafil, dung dịch lỏng trơn, không màu, không mùi. Chai 500ml	Chai	
110	Dầu soi kính	Dầu soi kính hiển vi; Chai 500ml	Chai	
111	Que thử nước tiểu dùng cho máy Simen	Các chỉ số đo: glucose, bilirubin, ketone, pH, nitrite, protein urobilinogen, Blood, Leukocytes, SG. Sử dụng cho máy clinitexk status.	Test	
112	Que thử Máy đo đường huyết	Công nghệ: Cảm biến sinh học/Điện hóa, đường oxidase (GOD) Chuẩn định kết quả: Tương đương huyết tương Thời gian đo: 10 giây Lượng mẫu tối thiểu: 0.5 µL Loại mẫu xét nghiệm: Máu tươi toàn phần từ mao mạch Phạm vi HCT: 25 - 60% Khoảng đo đường huyết: 1.1 - 33.3mmol/L (20 - 600mg/dL) Điều kiện làm việc: 5 - 45°C; 10 - 90% RH Điều kiện bảo quản que thử: 2 - 35°C Vật tư đi kèm: Chip mã số que thử	Test/qu e	